

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV- CTCP



TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

1. Quy chế tổ chức và làm việc của Đại hội;
2. Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019;
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
4. Tờ trình phê duyệt báo cáo tài chính và PPLN năm 2018;
5. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
6. Tờ trình chi trả thù lao cho Thành viên HĐQT, Ban KS;
7. Tờ trình đưa cổ phiếu MVB niêm yết trên sàn giao dịch;
8. Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2019;

NĂM 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐHHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP
(Tổ chức ngày 19/4/2019)

TT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
1	7h30 – 8h00	Đón tiếp đại biểu và cổ đông. Cổ đông đăng ký tham dự đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận thẻ biểu quyết	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2	8h00 – 8h20	- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Bà Nguyễn Hồng Hạnh
		- Giới thiệu Chủ tọa lên điều hành Đại hội	Bà Nguyễn Hồng Hạnh
		- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Ông Lê Xuân Ngợi
		- Chủ tọa Đại hội cử Ban Thư ký Đại hội và cử người của Ban tổ chức Đại hội cùng điều hành Đại hội.	Ông Lê Quang Bình
		❶ Thông qua Chương trình Đại hội	Ông Lê Quang Bình
		❷ Thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019	Ông Vũ Đình Lên
3	8h20 – 8h50	❸ Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018, phương hướng năm 2019 Tổng công ty	Ông Trần Hải Bình
4	8h50 – 9h15	❹ Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018, phương hướng năm 2019	Ông Đặng Văn Tùng
5	9h15 – 9h30	❺ Tờ trình phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2018 và phân phối lợi nhuận năm 2018 của Tổng công ty	Ông Vũ Đình Lên
6	9h30 – 9h45	❻ Báo cáo của BKS năm 2018, phương hướng năm 2019	Bà Nguyễn Thị Lương Anh
7	9h45 - 10h10	❼ Tờ trình chi trả thù lao năm 2018 và kế hoạch chi trả năm 2019 cho Thành viên HĐQT, BKS	Ông Trần Hải Bình
		❽ Tờ trình đưa cổ phiếu MVB – Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán	
8	10h10 - 10h20	❾ Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty	Bà Nguyễn Thị Lương Anh
9	10h20 – 10h45	Đại hội giải lao	
10	10h45 – 11h15	Ý kiến phát biểu của các cổ đông	
11	11h15 – 11h30	Trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội, biểu quyết thông qua	Ban Thư ký đại hội
12	11h30	Bế mạc Đại hội	Ông Lê Quang Bình

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2015;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP (sửa đổi) ban hành theo quyết định số 099/QĐ – HĐQT ngày 18/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty,

Nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội đồng cổ đông năm 2019 được diễn ra theo đúng quy định và thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị Tổng công ty xây dựng Quy chế làm việc và Thẻ lệ biểu quyết của Đại hội với các quy định như sau:

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nguyên tắc làm việc của Đại hội:

1. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ.
2. Tất cả vì quyền lợi của cổ đông Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội:

Cổ đông Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP có tên trong danh sách chốt quyền tham dự Đại hội thường niên năm 2019 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3. Điều kiện để Đại hội được tiến hành:

1. Khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP.
2. Trường hợp khi triệu tập Đại hội lần thứ nhất không đủ số lượng đại biểu cần thiết thì Đại hội tiếp theo được thực hiện theo Mục 2, Mục 3, Điều 19 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty. Cụ thể như sau:
 - Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ

đồng và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần hai, và trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

Điều 4. Trật tự của Đại hội:

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự, trang nhã.
2. Cổ đông khi tham dự ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.
3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
4. Hạn chế nói chuyện riêng và sử dụng điện thoại di động trong thời gian diễn ra Đại hội.

Điều 5. Quyền của cổ đông khi tham gia Đại hội:

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo Điều lệ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP và theo quy định của pháp luật.
2. Các cổ đông thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
3. Những cổ đông không có điều kiện đi dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng công ty có thể ủy quyền (bằng giấy ủy quyền theo mẫu quy định). Giấy ủy quyền phải gửi về Ban tổ chức đại hội ít nhất là **01 ngày** trước ngày tổ chức Đại hội.
4. Ban tổ chức Đại hội sẽ gửi giấy thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng công ty cho các cổ đông tham dự Đại hội.
5. Các cổ đông khi đến dự Đại hội phải mang theo Giấy mời họp và giấy tờ tùy thân như: chứng minh thư nhân dân (CCCD) hoặc hộ chiếu để trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một Thẻ biểu quyết có ghi rõ họ và tên, mã số cổ đông và số cổ phần mà cổ đông đại diện. Mỗi cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đại diện tương ứng với một phiếu biểu quyết (ví dụ: Thẻ biểu quyết của đại biểu cổ đông được ghi là 300.000 cổ phần, tức là cổ đông đó có 300.000 phiếu biểu quyết).
6. Cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua **từng nội dung** của Đại hội bằng phương pháp giơ Thẻ biểu quyết. Mỗi một nội dung biểu quyết Chủ tọa phải hỏi ý kiến cổ đông 03 lần:
 - Những người đồng ý.
 - Những người không đồng ý.
 - Những người có ý kiến khác.
7. Cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được Đại hội thông qua trước

đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng)

Điều 6. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội:

1. Tuân thủ các quy định tại quy chế này.
2. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
3. Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị Tổng công ty thành lập, có trách nhiệm:
 - Lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội và niêm yết tại nơi diễn ra Đại hội.
 - Thu và kiểm tra các giấy ủy quyền tham dự Đại hội.
 - Kiểm tra cổ đông đi dự có đầy đủ và đúng thành phần.
 - Lập Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông để đọc trước Đại hội.
 - Phát thẻ biểu quyết cho các cổ đông trước khi vào hội trường.
2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nghĩa vụ tuyệt đối trung thực, cẩn trọng khi thực hiện nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội:

1. Chủ tọa Đại hội:
 - Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.
 - Chủ tọa Đại hội có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Điều khiển Đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự.
 - b) Quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục của Đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội.
 - c) Có quyền trì hoãn Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:
 - + Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của Đại hội.
 - + Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
2. Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định hoặc giới thiệu để Đại hội thông qua. Thư ký có nhiệm vụ giúp việc Chủ tọa điều hành Đại hội, ghi chép và đọc Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

CHƯƠNG II TRÌNH TỰ VÀ NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Điều 9. Trình tự tiến hành Đại hội:

Đại hội diễn ra theo trình tự và bao gồm các nội dung sau đây:

1. Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
2. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông.
3. Giới thiệu Chủ tọa Đại hội, thông qua danh sách Đoàn thư ký Đại hội.
4. Thông qua chương trình nghị sự của Đại hội.
5. Chủ tọa điều hành Đại hội, biểu quyết các nội dung Đại hội.
6. Thông qua Nghị quyết Đại hội và bế mạc Đại hội.

Điều 10. Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông:

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 phải được Thư ký Đại hội ghi vào sổ Biên bản của Tổng công ty. Biên bản Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ vào Sổ biên bản của Tổng công ty.

Điều 11. Hiệu lực thi hành:

Quy chế này có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông tham dự Đại hội và Ban tổ chức Đại hội kể từ thời điểm Đại hội thông qua. ✓

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (eOffice);
- Tổng GD, Phòng TCNS (eOffice);
- CPV đăng trên website (eOffice);
- Lưu: VT, HĐQT. (T.02)



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Quang Bình

Số: 0 5 4 1 /CMV - BC

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (sửa đổi) ban hành kèm theo Quyết định số 099/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ HĐQT giao, Tổng công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2019 như sau :

**PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**

Năm 2018 tình hình kinh tế trong nước có nhiều chuyển biến tích cực, GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.

Dưới sự chỉ đạo giúp đỡ của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, thực hiện sự chỉ đạo thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, sự nỗ lực phấn đấu của người lao động, ban Lãnh đạo điều hành Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV – CTCP đã bám sát các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua, đề ra các biện pháp trong tổ chức sản xuất kinh doanh và tích cực triển khai thực hiện, đoàn kết nhất trí khắc phục mọi khó khăn; thực hành tiết kiệm chi phí, đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	Tỷ lệ (%)
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
	Than nguyên khai	Tấn	1 308 000	1 440 007	110,1
	Bóc đất đá	m ³	9 200 000	10 752 644	116,9
	Than sạch sản xuất	Tấn	1 430 000	1 698 621	108,8
	Than tiêu thụ	Tấn	1 430 000	1 714 945	120
2	Vốn điều lệ	Tr.đồng	1 050 000	1 050 000	100
3	Tổng doanh thu	"	1 597 206	2 323 118	145
4	Lợi nhuận trước thuế	"	80 809,9	237 433	294
5	Nộp thuế TNDN	"	14 479	55 818	235

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHĐCĐ NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	Tỷ lệ (%)
6	Lợi nhuận sau thuế	"	63 330,9	191 267	302
7	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	6	Dự kiến 12	200
8	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	190 090	118 430	62

Năm 2018, Tổng công ty nắm bắt cơ hội về thị trường tiêu thụ than và xi măng tương đối thuận lợi, bám sát nhu cầu của thị trường, để hoàn thành mục tiêu đề ra, Tổng công ty đã yêu cầu các đơn vị bám sát những nhiệm vụ chính, xác định rõ các ngành, nghề, lĩnh vực, sản phẩm chính để tập trung phát triển, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh và tái cơ cấu toàn diện, xây dựng Tổng công ty là một doanh nghiệp có trình độ công nghệ, mô hình quản trị theo hướng hiện đại và chuyên môn hóa cao, cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, hợp lý. Bằng những quyết sách đúng đắn, các giải pháp đồng bộ và công tác chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đã có hiệu quả rõ rệt, đạt và vượt cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 đề ra.

Lợi nhuận năm 2018 thực hiện đạt 302% so với kế hoạch, nguyên nhân chính là do thực hiện theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, ngày 24/02/2017 của Chính phủ Ban hành Quy định thuế đối với Doanh nghiệp có giao dịch liên kết, trên cơ sở đó TKV đã giao giá bán than cho Tổng công ty theo giá bán than ra thị trường đã làm tăng lợi nhuận 68,2 tỷ đồng; chi phí thăm dò khảo sát giảm so với kế hoạch 18,9 tỷ đồng, ngoài ra do sản lượng than tiêu thụ tăng cao so với kế hoạch và bằng 120% kế hoạch năm 2018 lên lợi nhuận thực hiện năm 2018 tăng cao so với kế hoạch, trên cơ sở đó để đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp và lợi ích của cổ đông, Tổng công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 chi trả cổ tức tăng từ 6%/năm lên 12%/ năm.

2. Các giải pháp và công việc trọng tâm đã thực hiện.

2.1. Triển khai đề án tái cơ cấu:

Thực hiện quyết định số 2195/QĐ-TKV ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc thông qua đề án tái cơ cấu Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV – CTCP giai đoạn 2017 – 2020, Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP đã chấp hành nghiêm chỉ đạo của Tập đoàn, khẩn trương tiến hành thực hiện, cụ thể như sau:

a. Công tác thoái vốn:

Trong năm 2018: Tổng công ty dự kiến sẽ thực hiện thoái hết 51% vốn điều lệ nắm giữ tại 4 công ty con là: Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI, Công ty cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực – VVMI, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng – VVMI, Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên – VVMI và thoái hết 29% vốn điều lệ nắm giữ tại Công ty cổ phần Thiết bị khai thác mỏ (Công ty liên kết).

* Kết quả thực hiện đến nay:

(i) Đối với việc thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực-VVMI, Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị-VVMI:

- Tổng công ty đã xác định xong giá trị phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị-VVMI, Công ty cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực -VVMI tại thời điểm 30/6/2018.

- Phương án thoái vốn của Tổng công ty tại hai đơn vị này hiện vẫn chưa được phê duyệt do Nhà nước chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị văn hóa lịch sử của doanh nghiệp.

(ii) Đối với việc thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên-VVMI, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng-VVMI, Công ty cổ phần Thiết bị khai thác mỏ:

- Tổng công ty đã thực hiện xác định xong giá trị phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên-VVMI, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng-VVMI, Công ty cổ phần Thiết bị khai thác mỏ tại thời điểm 30/6/2018 và đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt.

- Phương án thoái vốn tại các đơn vị này hiện chưa được Tổng công ty phê duyệt do chưa có quy định cụ thể đối với việc thoái vốn Nhà nước tại các Công ty chưa phải là công ty đại chúng cũng như Nhà nước chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị văn hóa lịch sử của doanh nghiệp.

b. Tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp:

- KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NỘI BỘ: Đết cuối năm 2018, Tổng công ty đã kiện toàn xong tổ chức bộ máy quản lý nội bộ theo Đề án tái cơ cấu được TKV thông qua., giảm được 33 phòng ban, phân xưởng/Số phòng ban phải giảm: 33 phòng ban; Giảm 447 lao động/408 số lao động dôi dư phải sắp xếp lại theo đề án tái cơ cấu được duyệt (số lao động đến 31/12/2018: 3 924 người).

- Công tác quản lý lao động: Tổng công ty đã thực hiện triển khai xã hội hóa, thuê ngoài cung ứng một số dịch vụ phục vụ người lao động gồm: nấu ăn, vệ sinh môi trường, bảo vệ, may bảo hộ lao động ... Đến hết năm 2018, số lao động của toàn Tổng công ty chuyển sang làm việc cho nhà cung cấp dịch vụ là 74 người.

Bên cạnh việc kiện toàn bộ máy quản lý nội bộ và sắp xếp lao động, trong thời gian qua Tổng công ty cũng đã tích cực triển khai tái cơ cấu trên các mặt: đầu tư đổi mới thiết bị, triển khai áp dụng cơ giới hóa, tin học hóa và tự động hóa vào sản xuất, đẩy mạnh việc hoàn thiện công tác quản trị nội bộ trên tất cả các mặt nhằm tăng năng suất, nâng cao hiệu quả SXKD.

2.2. Về công tác tổ chức điều hành sản xuất, quản lý kỹ thuật và chế biến tiêu thụ:

- Năm 2018, tranh thủ thị trường tiêu thụ than thuận lợi và việc đền bù giải phóng mặt bằng đã được cải thiện nên các đơn vị đã tổ chức, điều hành đẩy mạnh sản xuất góp phần hoàn thành kế hoạch kỹ thuật than của Tổng công ty.

Công tác điều hành sản xuất đã bám sát các khâu then chốt, giải quyết kịp thời các vướng mắc trong sản xuất, đảm bảo các khâu trong dây chuyền sản xuất được liên tục, nâng cao thời gian hoạt động hữu ích của các thiết bị.

- Đã thực hiện các giải pháp kỹ thuật công nghệ và tổ chức sản xuất phù hợp, có phương án kỹ thuật khai thác hợp lý mang lại hiệu quả. Thường xuyên bám sát, khảo sát thực tế, chỉ đạo sản xuất tại các khai trường trong toàn Tổng công ty. Do điều kiện đền bù còn khó khăn, với điều kiện diện bãi thải hẹp phân tán các đơn vị sản xuất than đã bám sát hiện trường tìm ra những giải pháp hợp lý để có diện đồ

thải duy trì được sản xuất và đảm bảo an toàn trong quá trình đổ thải. Các đơn vị đã quan tâm tới việc duy tu và sửa chữa tuyến đường vận tải về mặt đường và hệ thống thoát nước nhằm tăng năng suất của máy móc thiết bị, tiết kiệm chi phí sản xuất.

Công tác quản lý kỹ thuật công nghệ đã xây dựng được nhiều phương án sản xuất khai thác và chế biến nâng cao chất lượng than, công tác xúc chọn lọc than ngay tại vỉa được đặc biệt chú trọng, do đó tỷ lệ tổn thất than lộ thiên thực hiện 4,55%/KH 4,95% giảm so với kế hoạch đề ra, tỷ lệ tổn thất than hầm lò 19,33%/KH 24% giảm 4,67%

- Áp dụng các công nghệ sàng tuyển chế biến mới đáp ứng được mục tiêu tận dụng tối đa tài nguyên khoáng sản, nâng cao chất lượng, sản lượng than chế biến từ nguồn đất đá lẫn than có giá thành thấp để tăng doanh thu và lợi nhuận, công tác xúc chọn lọc ngay tại vỉa được chú trọng do vậy: Tỷ lệ thu hồi than sạch thực hiện 93,28%/kế hoạch 92,35% tăng 0,93% giảm được 13 400 tấn than nguyên khai huy động vào chế biến than sạch, theo đó đã giảm giá thành than tiêu thụ bình quân năm 2018 của Tổng công ty khoảng 12 tỷ đồng.

- Phối hợp chặt chẽ với các Công ty kinh doanh than trong ngành, Công ty nhiệt điện Cao Ngạn, Na Dương, An Khánh và các Công ty sản xuất xi măng trong Tổng công ty để đáp ứng kịp thời nhu cầu than cho sản xuất, chỉ đạo, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong tiêu thụ. Kết quả năm 2018 Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch tiêu thụ than theo kế hoạch đã đề ra.

2.3. Công tác môi trường:

Công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất được Tổng công ty thực hiện một cách nghiêm túc; tất cả các cơ sở sản xuất trong Tổng công ty có nước thải ra môi trường đều được xử lý trước khi thải ra môi trường, tại các cơ sở sản xuất đều được trang bị các thiết bị dập bụi, chống rung, chống ồn.

Công tác quan trắc tại các mỏ than và các đơn vị sản xuất khác trong Tổng công ty được tiến hành thường xuyên, kết quả các lần quan trắc đạt tiêu chuẩn cho phép; thực hiện trồng cây tạo cảnh quan môi trường khu vực văn phòng và nơi sản xuất. Tổng chi phí chi cho công tác môi trường trong hoạt động sản xuất than năm 2018 của toàn Tổng công ty là 41,06 tỷ đồng.

2.4. Công tác Đầu tư xây dựng.

Thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018 của Tổng công ty đạt 118,4 tỷ đồng bằng 62% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông năm 2018 Tổng công ty thông qua. Nguyên nhân đạt thấp so với kế hoạch là do:

- Tổng công ty đã chủ động điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Na Dương theo tiến độ thực hiện triển khai nhà máy nhiệt điện Na Dương II, làm giảm giá trị đầu tư 43,6 tỷ đồng.

- Giảm tiến độ đầu tư một số thiết bị mỏ là 11 tỷ đồng

- Tiến độ đền bù GPMB khai trường và đổ thải giảm 18,7 tỷ đồng.

2.5. Công tác an toàn lao động:

Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động luôn được Tổng công ty và các đơn vị quan tâm thực hiện với nhiều biện pháp thiết thực, phù hợp với từng đối tượng:

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc và những nơi làm việc có nhiều nguy cơ gây ra TNLĐ; đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa TNLĐ,

bệnh nghề nghiệp và sự cố; tổ chức thực hiện có chất lượng hơn trong việc huấn luyện mới, huấn luyện định kỳ cho người lao động và diễn tập theo các tình huống của các phương án thủ tiêu sự cố được duyệt.

- Tuy nhiên trong năm 2018 đã để xảy ra: Tổng số: 06 vụ TNLĐ làm bị thương 06 người

2.6. Công tác quản trị chi phí giá thành, tài chính.

Ngay từ đầu năm Tổng công ty đã xây dựng, ban hành triển khai giải pháp điều hành kế hoạch năm song song với công tác tái cơ cấu theo quyết định của Chính phủ và Tập đoàn với mục tiêu đảm bảo ổn định sản xuất, việc làm thu nhập của người lao động, an toàn, hiệu quả và phát triển. Trên cơ sở đó Tổng công ty đã bám sát tình hình thực tiễn, tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp điều hành kế hoạch năm 2018 để tiếp tục ổn định sản xuất, ổn định việc làm thu nhập cho người lao động và đảm bảo cân đối tài chính; Rà soát giảm đầu tư các công trình chưa cấp thiết, tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức, đổi mới quản trị doanh nghiệp, lao động tiền lương, chăm lo phát triển nguồn nhân lực.

Về điều hành quản trị chi phí: Tổng công ty đã thường xuyên kiểm tra việc tổ chức giao khoán và nghiệm thu quyết toán khoán chi phí của các đơn vị trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp để chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tiếp tục hoàn thiện công tác điều hành sản xuất – tiêu thụ, quản lý chi phí, tăng cường kỷ luật trong điều hành và giám sát hiệu quả hơn, từ Tổng công ty đến các đơn vị tiếp tục rà soát, hoàn thiện lại cơ chế quản lý trong các lĩnh vực với trung tâm là cơ chế khoán quản trị chi phí nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý và động lực mạnh mẽ hơn tăng hiệu quả kinh doanh, rà soát ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật theo hướng tiên tiến, đáp ứng yêu cầu tăng năng suất, giảm giá thành trong tình hình mới.

- Đối với các đơn vị sản xuất than : Tổng công ty đã chỉ đạo các đơn vị chủ động rà soát lại kế hoạch chỉ tiêu công nghệ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; tập trung chế biến sâu để nâng cao chất lượng than sản xuất so với kế hoạch giao; đã tích cực triển khai các giải pháp trong quản lý để tiết giảm chi phí quản lý, giảm chi phí vật tư, tăng năng suất lao động... để thực hiện mục tiêu tiết giảm chi phí sản xuất than.

- Đối với các đơn vị sản xuất và kinh doanh khác: Áp dụng triệt để các giải pháp thực hiện tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động. Các đơn vị kinh doanh thương mại, dịch vụ quản trị chặt chẽ nợ phải thu, phải trả và tổ chức kinh doanh đúng pháp luật đảm bảo an toàn về vốn.

- Tổng công ty đã triển khai giao khoán chi phí sản xuất chi tiết cho các đơn vị sản xuất than theo các chỉ tiêu công nghệ và điều kiện thực tế của từng đơn vị và yêu cầu các đơn vị thực hiện tiết kiệm. Kết quả năm 2018, các đơn vị sản xuất than đã thực hiện tiết giảm chi phí cao hơn so với kế hoạch Tổng công ty giao, giá trị thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất than đạt 50 tỷ đồng/KH giao 46 tỷ đồng.

- Bám sát diễn biến của thị trường và tình hình tiêu thụ than, Tổng công ty đã điều hành sản xuất phù hợp với thị trường, đảm bảo ổn định sản xuất, giảm tồn kho than: Đến 31/12/2018 than sạch tồn kho 44 403 tấn/than sạch tồn kho ngày 31/12/2017 là: 60 727 tấn, giảm 16 024 tấn.

- Thực hiện mua sắm vật tư đúng quy định, đảm bảo chất lượng với giá cả cạnh tranh. Kiểm soát chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng và tồn kho vật tư ở tất cả các đơn vị, kết quả đạt được trong năm 2018 là giá trị tồn kho vật tư toàn Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 3,14% trên tổng số nguyên vật liệu xuất kho/ KH là 5%.

- Tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các Công ty con, phối hợp trong công tác điều hành sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

- Nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Tổng công ty an toàn, hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro của toàn Tổng công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho, tăng cường công tác tu hồi công nợ, nhằm giảm nợ và tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn.

Tóm lại, năm 2018, Bộ máy điều hành Tổng công ty đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành và nêu cao vai trò trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, đã đoàn kết nhất trí, chung sức chung lòng để vượt qua những khó khăn thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Với điều kiện thực tế, bước vào năm 2019 HĐQT và bộ máy điều hành Tổng công ty xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cụ thể trình Đại hội như sau:

PHẦN II

MỤC TIÊU NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Đặc điểm tình hình chung.

Năm 2019, tình hình chung dự báo sẽ có thuận lợi hơn nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức mà Tổng công ty phải lường trước để luôn có những phương án chủ động trong sản xuất kinh doanh.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ.

Mục tiêu điều hành sản xuất kinh doanh năm 2019 của Tổng công ty là: Điều hành sản xuất than, xi măng theo nhu cầu thị trường, đầu tư hợp lý phát triển bền vững các ngành nghề than, xi măng và các ngành công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phù hợp; triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu, trọng tâm là tái cơ cấu kỹ thuật - đổi mới công nghệ; hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tinh giảm lao động để tăng năng suất, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững. Cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động. Thực hiện mục tiêu chung đề ra là: AN TOÀN - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2019
1	Các chỉ tiêu hiện vật		
	- Than nguyên khai	Tấn	1 390 000
	- Bóc đất đá	m ³	10 850 000
	- Than sạch sản xuất	Tấn	1 520 000

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2019
	- Than tiêu thụ	Tấn	1 520 000
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	1 050 000
3	Tổng doanh thu	"	1 781 216
4	Lợi nhuận trước thuế	"	93 689,9
5	Nộp thuế TNDN	"	15 818,2
6	Lợi nhuận sau thuế	"	77 871
7	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	8
8	Đầu tư xây dựng	Triệu đồng	295 077

**Ghi chú: Giá trị KH ĐTXD năm 2019 là 295,077 tỷ chưa bao gồm giá trị đầu tư 01 xe điều hành Tổng công ty và 01 xe 15 chỗ cho Công ty than Na Dương. Hiện nay Tổng công ty đang trình TKV xem xét thông qua. Khi được TKV thông qua thì ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty điều chỉnh kế hoạch ĐTXD năm 2019 làm cơ sở thực hiện.*

4. Các giải pháp thực hiện.

4.1. *Đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ, nâng cao hiệu quả trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh:*

Để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh năm 2019, các đơn vị sản xuất than tập trung vào các nội dung chính sau:

- Điều hành sản xuất một cách linh hoạt và thích ứng với tình hình sản xuất kinh doanh chung của Ngành Than- Khoáng sản, đảm bảo sản xuất phù hợp với tiến độ tiêu thụ và không để tồn kho sản phẩm lớn. Đảm bảo cung cấp đủ than cho các Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn, Na Dương; các Nhà máy xi măng La Hiên, Quán Triều và Tân Quang.

- Tăng cường quản lý tài nguyên, quản lý các chỉ tiêu công nghệ, phấn đấu giảm tỷ lệ tổn thất than trong khai thác và tăng tỷ lệ thu hồi than sạch so với năm 2018; có các giải pháp khai thác chế biến, pha trộn để nâng cao chất lượng, hạ giá thành. Tất cả các đơn vị có biện pháp cụ thể để điều hành hạn chế tối đa khối lượng phát sinh ngoài kế hoạch.

- Tích cực phối hợp với các địa phương, triển khai quyết liệt công tác đền bù giải phóng mặt bằng đáp ứng yêu cầu của sản xuất tại các đơn vị sản xuất than Na Dương, Khánh Hoà và Núi Hồng. Đảm bảo hài hoà về lợi ích của Tổng công ty và các hộ dân tại địa phương thuộc diện phải thu hồi đất để phục vụ khai thác than của Tổng công ty.

- Hoàn thiện hệ thống sàng tuyển, chế biến than phù hợp với điều kiện cung cấp than cho các nhà máy nhiệt điện và các nhà máy xi măng, đồng thời nâng cao chất lượng than để tăng phẩm cấp than so với kế hoạch. Tiếp tục nghiên cứu và đầu tư các hệ thống sàng tuyển than tại các mỏ để tuyển các loại than xấu, bã sàng, đất đá lẫn than, nhằm nâng cao chất lượng và hệ số thu hồi than.

4.2. *An toàn lao động và bảo vệ môi trường:*

- Đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường, không để xảy ra tai nạn lao động chết người và sự cố loại I và II theo phân loại sự cố của TKV.

- Tích cực cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, đầu tư mua sắm những thiết bị an toàn tốt nhất, để bảo vệ, nâng cao điều kiện làm việc và mức độ an toàn cho người lao động.

4.3. Công tác thăm dò, khảo sát:

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thăm dò địa chất để thi công xong hai đề án thăm dò mỏ than Núi Hồng và Khánh Hòa trong 6 tháng đầu năm 2019 và hoàn thành việc lập báo cáo tổng hợp tài liệu địa chất của hai đề án này trong năm để trình TKV và Bộ TN&MT phê duyệt.

4.4. Nghiên cứu, đầu tư phát triển:

- Triển khai lập dự án khai thác xuống sâu mỏ than Núi Hồng ngay sau khi đã lập xong báo cáo tổng hợp địa chất của đề án thăm dò mỏ than Núi Hồng.

- Hoàn thành việc thẩm định phương án khai thác hợp lý mỏ than Khánh Hòa xong để trình TKV thông qua trong quý II/2019 làm cơ sở để xây dựng kế hoạch khai thác than dài hạn mỏ than Khánh Hòa.

- Tập trung đẩy nhanh công tác đền bù giải phóng mặt bằng và các dự án đầu tư tại các đơn vị sản xuất than để chủ động trong sản xuất, cụ thể:

(i) Triển khai quyết liệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 ngay từ đầu năm, các dự án đã được ghi trong kế hoạch phải được triển khai theo đúng tiến độ đã đề ra. Công tác chuẩn bị đầu tư phải được hoàn thành trước ngày 31/3/2019.

(ii) Khẩn trương triển khai các hạng mục thuộc dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương phù hợp với tiến độ khai thác năm 2019 và các năm tiếp theo của Công ty than Na Dương cũng như phù hợp với tiến độ đầu tư Nhà máy nhiệt điện Na Dương II..

4.5. Quản lý công tác vật tư.

- Tổng công ty và các đơn vị tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, quy định, chế tài về công tác vật tư theo hướng nâng cao hiệu quả, tăng tính chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị; gắn trách nhiệm trực tiếp của Giám đốc đơn vị, tập thể, cá nhân đối với việc thực hiện công tác vật tư tại đơn vị mình cũng như chấp hành nghiêm chỉnh các chỉ đạo của TKV và của Tổng công ty trong công tác này. Sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý vật tư, hệ thống cấp dầu tự động đã được đầu tư nhằm đáp ứng tốt nhu cầu quản lý.

4.6. Tổ chức, nhân sự

4.6.1. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và đổi mới quản trị doanh nghiệp:

- Tiếp tục triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2017-2020 đã được Tập đoàn thông qua tại Quyết định số 2195/QĐ-TKV ngày 11/12/2017. Chỉ đạo các Công ty con, đơn vị trực thuộc tiếp tục quyết liệt triển khai thực hiện các nội dung về tái cơ cấu quản trị nội bộ theo đề án đã được Tập đoàn phê duyệt.

4.6.2. Quản lý lao động: Giao cho các đơn vị chủ động trong việc tuyển dụng lao động có chuyên môn kỹ thuật, lao động có tay nghề cao nhưng vẫn phải đảm bảo tỷ lệ lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ. Đào tạo lại để chuyển đổi nghề đối với những ngành nghề cần thu hút (ưu tiên lực lượng lao động tại chỗ có trình độ, có kinh nghiệm thực tế trong sản xuất).

4.6.3. Tiền lương và thực hiện chế độ với người lao động

- Thực hiện trả lương cao đối với lao động cần thu hút, không để chảy máu chất xám do tái cơ cấu hoặc do lương thấp.

- Hoàn thiện cơ chế đánh giá hiệu quả công việc theo vị trí việc làm nhằm khuyến khích và thu hút lao động chất lượng cao, lao động có đóng góp mang tính chất quyết định đến hiệu quả SXKD chung của đơn vị.

4.6.4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực: Thực hiện tốt kế hoạch đào tạo và chịu trách nhiệm về nguồn nhân lực cho phát triển SXKD của Tổng công ty. Quan tâm đào tạo cán bộ quản lý các cấp, đội ngũ chuyên gia, lực lượng thợ lành nghề nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và quản trị doanh nghiệp theo hướng tiên tiến, hiện đại. Cải thiện điều kiện làm việc, ăn, ở, đi lại cho CBCNV.

4.7. Quản trị tài chính doanh nghiệp

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, xây dựng các giải pháp tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các công đoạn sản xuất kinh doanh. Để tiếp tục phát huy tính chủ động, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị, thì ngoài việc tiếp tục thực hiện cơ chế như năm 2018, kể từ năm 2019 Tổng công ty sẽ thay đổi quy định về công tác trung đại tu thiết bị theo đó, trên cơ sở kế hoạch TĐT đã được Tổng công ty giao/ thông qua, các đơn vị quản lý thiết bị sẽ chủ động thực hiện công tác TĐT thiết bị từ khâu lập dự toán, tự thực hiện sửa chữa hoặc tổ chức chào hàng cạnh tranh/đấu thầu lựa chọn đơn vị sửa chữa thiết bị, ký kết hợp đồng ... đến khâu cuối cùng là nghiệm thu, bàn giao thiết bị và phê duyệt quyết toán TĐT thiết bị theo đúng quy định về TĐT thiết bị của TKV và của Tổng công ty.

Tổng công ty sẽ tăng cường kiểm tra việc quản trị, điều hành của các đơn vị để có những chỉ đạo phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả SXKD đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, của TKV và của Tổng công ty trong mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác quản trị tài chính và quản trị rủi ro trong kinh doanh nhất là công tác quản lý công nợ phải thu khách hàng ở các đơn vị sản xuất xi măng và kinh doanh thương mại.

- Thực hiện niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty trên thị trường chứng khoán.

- Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tự kiểm tra, giám sát và thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để sai phạm, gắn công tác kiểm tra, giám sát với công tác hướng dẫn, hỗ trợ các Công ty con, đơn vị trực thuộc.

4.8. Tăng cường hợp tác, phối hợp với các cơ quan tại địa phương đảm bảo sự phát triển hài hòa trên địa bàn; đặc biệt chủ động phối hợp tốt với cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng lấy diện khai thác và đổ thải, quản lý ranh giới mỏ, quản lý khai thác mỏ, quản lý khai thác, vận chuyển và kinh doanh than.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (eOffice);
- Tổng GD, các Phó TGD (eOffice);
- Các đơn vị, các phòng Tcty (eOffice);
- Lưu: VT, Thư ký TCT, HĐQT (T.03)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Hải Bình

Số: 0 0 8 6 /BC – HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.

Căn cứ vào các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP, Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động của HĐQT năm 2018, phương hướng hoạt động năm 2019 như sau:

I. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018

1/. Thuận lợi và khó khăn trong hoạt động SXKD của Tổng công ty:

a. Thuận lợi:

- Tổng công ty nhận được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ trực tiếp của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trong việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018.

- Có sự chỉ đạo thống nhất trong toàn hệ thống chính trị. Tập thể người lao động toàn Tổng công ty đã đoàn kết nhất trí, khắc phục mọi khó khăn, thực hành tiết kiệm chi phí phân đấu vì sự phát triển ổn định bền vững Tổng công ty.

- Thị trường tiêu thụ than và xi măng tương đối thuận lợi, nhu cầu than cho các nhà máy điện và các hộ khác tăng cao.

- Về tiêu thụ xi măng: từ tháng 2/2018 Chính phủ điều chỉnh thuế xuất khẩu xi măng và clinke từ 5% về 0% và Trung Quốc có chính sách hạn chế sản xuất xi măng để bảo vệ môi trường, nguồn cung khan hiếm đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam nên tiêu thụ xi măng và clinke xuất khẩu đã có sự tăng trưởng so với năm trước đây; sản lượng tiêu thị xi măng của Tổng công ty đạt 112% kế hoạch.

b. Khó khăn:

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ khai thác than và đổ thải tại Công ty than Na Dương gặp nhiều khó khăn do các hộ dân yêu cầu tuyển dụng lao động và bố trí tái định cư. Tại Công ty than Núi Hồng vẫn còn một hộ dân thuộc dự án đền bù tuyến 19-23 thấu kính II vẫn không nhận tiền đền bù và đòi hỏi ngoài chế độ chính sách quy định .

- Giá bán xi măng giảm do cạnh tranh với các nhà sản xuất xi măng khác trên thị trường.

- Tình hình tài chính của các Công ty xi măng thuộc Tổng công ty vẫn trong tình trạng khó khăn do thiếu nguồn vốn trả nợ ngân hàng và lỗ lũy kế từ các năm trước.

2/.Kết quả SXKD năm 2018 đạt được với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	Tỷ lệ (%)
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
	Than nguyên khai	Tấn	1 308 000	1 440 007	110,1
	Bóc đất đá	m ³	9 200 000	10 752 644	116,9
	Than sạch sản xuất	Tấn	1 430 000	1 698 621	108,8
	Than tiêu thụ	Tấn	1 430 000	1 714 945	120
2	Vốn điều lệ	Tr.đồng	1 050 000	1 050 000	100
3	Tổng doanh thu	"	1 597 206	2 323 118	145
4	Lợi nhuận trước thuế	"	80 809,9	237 433	294
5	Nộp thuế TNDN	"	14 479	55 818	235
6	Lợi nhuận sau thuế	"	63 330,9	191 267	302
7	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	6	12	200
8	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	190 090	118 430	62

Trong năm 2018 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Bộ máy điều hành Tổng công ty tích cực triển khai các giải pháp khắc phục mọi khó khăn; thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí, SXKD có hiệu quả, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động; sản xuất đảm bảo an toàn, thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018:

3.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị : có 05 thành viên:

1. Ông Lê Quang Bình: Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trần Hải Bình: Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
3. Ông Đặng Văn Tùng: Thành viên chuyên trách HĐQT
5. Ông Vũ Đình Lên: Thành viên HĐQT
4. Ông Vũ Minh Tân: Thành viên HĐQT

3.2. Xây dựng và ban hành các văn bản quản lý:

Căn cứ quyền hạn được pháp luật và Điều lệ Tổng công ty quy định, trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức họp 30 phiên, ban hành 138 nghị quyết, 69 quyết định với các nội dung tập trung cho hoàn thiện nâng cao các mặt hoạt động quản lý, phục vụ tốt cho SXKD của Tổng công ty và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Hội đồng quản trị đã ban hành và sửa đổi các quy chế quản lý, bao gồm:

- Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty sửa đổi lần thứ hai theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
- Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty ;
- Quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi;
- Quy chế quản trị chi phí kinh doanh;

- Quy chế quản lý người đại diện Tổng công ty tại các doanh nghiệp thay thế quy chế ban hành theo Quyết định số 0129/QĐ-HĐQT ngày 14/6/2016
- Quy định xuất nhập cảnh đối với cán bộ, người lao động Tổng công ty.
- Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương.

3.3. Công tác sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã giao kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý và hợp kiểm điểm thực hiện kế hoạch với Bộ máy điều hành Tổng công ty để giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh.

3.4. Công tác tái cơ cấu Tổng công ty:

- Theo mô hình mẫu của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổng công ty đã thực hiện tích cực tái cơ cấu, định biên, định mức lại lao động, tinh giảm biên chế theo kế hoạch SXKD năm 2018.

- Tổng công ty đã phối hợp chặt chẽ với các ban của TKV trong quá trình triển khai các thủ tục thoái vốn của TKV tại Tổng công ty từ 98,19% VDL hiện nay xuống còn 65%; phối hợp với Công ty TNHH kiểm toán BDO xác định giá trị phần vốn của TKV tại Tổng công ty.

- Về Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2017 - 2020:

+ Đã thành lập Ban chỉ đạo triển khai đề án tái cơ cấu;

+ Phê duyệt giá trị phần vốn góp của Tổng công ty tại 05 Công ty cổ phần: Công ty CP SX & KD VTTB, Công ty CP Cơ khí & thiết bị áp lực, Công ty CP Đầu tư & xây dựng, Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên, Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ.

+ Lập xong phương án thoái vốn của Tổng công ty tại 2 công ty: Công ty CP SX & KD VTTB, Công ty CP Cơ khí & thiết bị áp lực. Tuy nhiên hiện nay phương án thoái vốn tại 02 công ty này vẫn chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt do còn vướng mắc về xác định giá trị văn hóa lịch sử của doanh nghiệp.

+ Phương án thoái vốn Tổng công ty tại Công ty CP Đầu tư & xây dựng, Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên chưa phê duyệt do chưa có quy định cụ thể với việc thoái vốn nhà nước tại các công ty chưa phải là công ty đại chúng.

3.5. Thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị năm 2018

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền thù lao, lương chuyên trách năm 2018 (đồng)	Tiền bình quân tháng năm 2018 (đồng)
1	Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	74 400 000	6 200 000
2	Trần Hải Bình	Thành viên HĐQT	64 800 000	5 400 000
3	Đặng Văn Tùng	Thành viên HĐQT chuyên trách	486 000 000	40 500 000
3	Vũ Đình Lên	Thành viên HĐQT	64 800 000	5 400 000
4	Vũ Minh Tân	Thành viên HĐQT	64 800 000	5 400 000
	Tổng cộng		754 800 000	

4. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ của HĐQT Tổng công ty.

4.1. Đánh giá về chấp hành pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Năm 2018, Hội đồng quản trị đã hoạt động tuân thủ theo đúng Điều lệ Tổng công ty; đã ban hành các nghị quyết và triển khai thực hiện các nghị quyết tuân thủ theo quy định pháp luật, Điều lệ Tổng công ty để đáp ứng các yêu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh.

4.2. Đánh giá về hoạt động của HĐQT Tổng công ty

Trong năm 2018, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò cơ quan quản lý Tổng công ty; quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty. Từng thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích Tổng công ty và các cổ đông.

Duy trì tổ chức họp tại trụ sở Tổng công ty định kỳ 02 lần/tháng; bám sát nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018, cơ chế điều hành phối hợp của TKV; tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp. Ngoài ra, theo yêu cầu của sản xuất đã tiến hành họp đột xuất để kịp thời giải quyết các vấn đề khó khăn trong sản xuất, trong hoạt động tài chính, các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành của Tổng công ty theo đúng thẩm quyền của HĐQT.

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty đều được các thành viên HĐQT biểu quyết nhất trí cao đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như hoạt động sản xuất của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị đã chủ động giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, quan tâm đã kiện toàn công tác tổ chức cán bộ từ Tổng công ty đến các đơn vị, bổ nhiệm các nhân sự thuộc thẩm quyền được phê duyệt.

Ban hành các Nghị quyết chỉ đạo người đại diện của Tổng công ty tại các Công ty con là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty trong việc triển khai các vấn đề trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

Chủ động triển khai công tác tái cơ cấu Tổng công ty, giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện. Xem xét tìm giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho Công ty CP Xi măng Tân Quang và Công ty CP Xi măng Quán Triều.

4.3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Tổng công ty thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018:

Hội đồng quản trị nhất trí với báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018 của Ban điều hành Tổng công ty, ghi nhận những cố gắng nỗ lực của Ban điều hành đã thực hiện:

- Nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; các nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty; tuân thủ các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và các quy định của pháp luật.

- Đoàn kết, nỗ lực làm việc, tích cực tìm và triển khai các giải pháp trong tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh, linh hoạt, kịp thời xử lý vướng mắc khó khăn trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí, chống lãng phí trong sản xuất, đảm bảo an toàn, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động; hoàn tốt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

Kính thưa Đại hội

Năm 2018 Hội đồng quản trị tự kiểm điểm đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Tổng công ty. Có được kết quả đó ngoài sự nỗ lực của từng Thành viên HĐQT, còn có sự nhiệt tình hỗ trợ rất hiệu quả của các cổ đông, các Thành viên BKS, Ban giám đốc điều hành và các phòng chức năng quản lý của Tổng công ty.

II. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

1. Đặc điểm tình hình chung:

Năm 2019 các cơ chế chính sách của Nhà nước có những thay đổi, tiếp tục củng cố nền tảng vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện hiệu quả Nghị quyết trung ương về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa v.v ...Tập trung nguồn lực đầu tư công, thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển kết cấu hạ tầng. Tạo chuyển biến rõ nét trong cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

Về cơ chế điều hành năm 2019, TKV tiếp tục điều chỉnh theo hướng tạo điều kiện để các đơn vị thành viên tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, TKV tăng cường các biện pháp kiểm tra giám sát, nhất là hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Thị trường tiêu thụ xi măng dự báo vẫn cạnh tranh khốc liệt do xi măng và clinker xuất khẩu chậm lại nên chủ yếu tiêu thụ thị trường trong nước.

2. Mục tiêu chung:

Tổng công ty tiếp tục ổn định sản xuất kinh doanh, sản xuất than và xi măng theo nhu cầu thị trường, đầu tư hợp lý và có hiệu quả các dự án phục vụ trước mắt và phát triển lâu dài Tổng công ty. Triển khai thực hiện hiệu quả đề án tái cơ cấu, đổi mới công nghệ, hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước, đảm bảo quyền lợi các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; đưa Tổng công ty phát triển bền vững.

3. Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019:

- Chỉ đạo Bộ máy điều hành thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD năm 2019 như sau :

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
1	Các chỉ tiêu hiện vật		
	- Than nguyên khai	Tấn	1 390 000
	- Bóc đất đá	m ³	10 850 000
	- Than sạch sản xuất	Tấn	1 520 000
	- Than tiêu thụ	Tấn	1 520 000
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	1 050 000
3	Tổng doanh thu	"	1 781 216
4	Lợi nhuận trước thuế	"	93 689,9

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
5	Nộp thuế TNDN	"	15 818,2
6	Lợi nhuận sau thuế	"	77 871
7	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	8
8	Đầu tư xây dựng	Triệu đồng	295 077

**Ghi chú: Giá trị KH ĐTXD năm 2019 là 295,077 tỷ chưa bao gồm giá trị đầu tư 01 xe điều hành Tổng công ty và 01 xe 15 chỗ cho Công ty than Na Dương. Hiện nay Tổng công ty đang trình TKV xem xét thông qua. Khi được TKV thông qua thì ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty điều chỉnh kế hoạch ĐTXD năm 2019 làm cơ sở thực hiện.*

- Xem xét phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng và các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT

4. Hoàn thiện và ban hành các nghị quyết, quyết định trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- Bộ máy điều hành cần năng động sáng tạo giải quyết khó khăn vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ SXKD, tận dụng cơ hội để nâng cao hiệu quả.

- Tiếp tục xem xét, tìm giải pháp để tháo gỡ khó khăn về tài chính tăng hiệu quả SXKD của Công ty CP Xi măng Quán Triều và Công ty CP Xi măng Tân Quang.

- Tăng cường chỉ đạo và giám sát Bộ máy điều hành thông qua các nhiệm vụ được giao theo các nghị quyết của HĐQT đã ban hành .

- Tiếp tục đổi mới phương pháp làm việc, nâng cao chất lượng công việc và các cuộc họp của HĐQT

- Tiếp tục rà soát lại và hoàn thiện các quy chế quản lý đã ban hành.

- Xây dựng, ban hành các quy định, các nghị quyết, quyết định cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Duy trì tổ chức họp tại trụ sở Tổng công ty 02 lần/tháng. Ngoài ra theo yêu cầu của sản xuất tiến hành họp đột xuất để kịp thời giải quyết các vấn đề khó khăn trong sản xuất, trong hoạt động tài chính, các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành của Tổng công ty.

- Đưa cổ phiếu MVB của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP lên sàn giao dịch niêm yết năm 2019.

- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 phù hợp với diễn biến thị trường.

5. Công tác tái cơ cấu Tổng công ty:

Thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty đã được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản phê duyệt tại Quyết định số 2195/QĐ-TKV ngày 11/12/2017:

- Thoái vốn của TKV tại Tổng công ty từ 98,19% vốn điều lệ hiện nay xuống còn 65%.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch sắp xếp các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ, thoái vốn Công ty mẹ - Tổng công ty tại các công ty năm 2018 – 2020 như sau:

+ Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Trung tâm Điều dưỡng ngành Than.
+ Thoái vốn Công ty mẹ - Tổng công ty về 51% tại Công ty CP Xi măng Quán Triều.

+ Thoái vốn Công ty mẹ - Tổng công ty về 36% tại các Công ty con: Công ty CP Vật liệu XD và kinh doanh tổng hợp - VVMI; Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc.

+ Thoái hết vốn Công ty mẹ - Tổng công ty tại các công ty: Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên, Công ty CP Sản xuất và kinh doanh VTTB, Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực, Công ty CP Đầu tư và xây dựng, Công ty CP Đầu tư công nghiệp Hà Nội, Công ty CP Than Điện Nông Sơn và Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ.

6. Công tác cán bộ :

- Căn cứ vào quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2020 - 2025 đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty thông qua, tiếp tục có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho các cán bộ trong diện quy hoạch và phát hiện những cán bộ có năng lực để tiếp tục bổ sung vào quy hoạch, đảm bảo tính kế thừa, đủ số lượng chất lượng nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty.

- Chú trọng đến công tác tổ chức bộ máy quản lý tinh giảm gọn nhẹ, tái cấu trúc lao động toàn Tổng công ty theo hướng tăng năng suất lao động, thực hiện xã hội hóa công tác dịch vụ.

- Phối hợp với Ban kiểm soát Tổng công ty và Ban kiểm soát tại các Công ty con để giám sát toàn diện hoạt động của các Công ty con, đơn vị trực thuộc.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động trong năm 2018 và phương hướng hoạt động trong năm 2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Rất mong được sự tham gia góp ý của quý vị cổ đông để hoạt động của HĐQT Tổng công ty ngày càng tốt hơn.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (eOffice);
- Tổng GD, các Phó TGD (eOffice);
- Các đơn vị, các phòng Tcty (eOffice);
- Lưu: VT, Thư ký TCT, HĐQT (T.03)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Quang Bình

Số **087**/TTr – HĐQT

Hà Nội, ngày **29** tháng **3** năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP (sửa đổi) ban hành theo quyết định số 099/QĐ – HĐQT ngày 18/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP;

Căn cứ báo cáo quyết toán tài chính năm 2018 của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Hội đồng quản trị Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 phê duyệt quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP như sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh:

TT	Nội dung	Số tiền (triệu đồng)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2 323 118
2	Các khoản giảm trừ	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2 323 118
4	Giá vốn hàng bán	1 852 226
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp DV	470 891
6	Doanh thu hoạt động tài chính	19 571
7	Chi phí tài chính	19 216
	Trong đó: Lãi vay phải trả	25 528
8	Chi phí bán hàng	59 479
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	117 417
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	234 349

TT	Nội dung	Số tiền (triệu đồng)
11	Thu nhập khác	3 795
12	Chi phí khác	711
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	3 083
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	237 433
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	55 818
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	- 9 652
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	191 267

2. Phương án phân phối lợi nhuận:

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
I	Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2018	Đồng	237 433 540 016
II	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	Đồng	191 267 772 952
	Lợi nhuận năm trước chưa phân phối		11 098 383 546
III	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối đến 31/12/2018		202 366 156 498
1	Trả cổ tức		
-	Vốn điều lệ (31/12/2018)	Đồng	1 050 000 000 000
	Trong đó tỷ lệ vốn góp của TKV/Vốn điều lệ	%	98,19
-	Tỷ lệ chia cổ tức theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018	%	6
-	Tỷ lệ trả cổ tức từ lợi nhuận thực hiện	%	12
-	Giá trị cổ tức tính theo tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	Đồng	126 000 000 000
2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế (nếu có)	Đồng	
3	Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức:	Đồng	76 366 156 498
a	Trích quỹ đầu tư phát triển		
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	35 890 988 539
	Trong đó: - Quỹ khen thưởng (70% x b)		25 123 691 977
	- Quỹ phúc lợi (30% x b)		10 767 296 562
c	Trích quỹ thưởng Người quản lý	Đồng	475 167 959
IV	Lợi nhuận chưa phân phối	Đồng	40 000 000 000

3. Tài sản và nguồn vốn đến 31/12/2018:

Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm 31/12/2018	Số đầu năm (1/1/2018)
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		676 753 150 973	596 773 648 918
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		28 650 332 936	5 904 316 213
1. Tiền	111	V.01	9 650 332 936	5 904 316 213
2. Các khoản tương đương tiền	112		19 000 000 000	

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm 31/12/2018	Số đầu năm (1/1/2018)
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		553 556 966 205	484 873 922 229
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		544 123 739 248	427 792 850 984
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4 365 516 870	5 856 398 530
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1 855 890 341	42 876 548 588
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.03		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		3 563 653 446	8 348 124 127
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		- 351 833 700	
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		93 974 389 332	85 961 421 979
1. Hàng tồn kho	141	V.04	93 974 389 332	85 961 421 979
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		571 462 500	20 033 988 497
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		84 487 364	6 132 584 451
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			7 306 279 252
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.05	486 975 136	6 595 124 794
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Ch.phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1 076 073 368 591	1 187 037 524 648
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		72 175 426 453	53 091 977 815
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	V.06		
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	V.07		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		72 175 426 453	53 091 977 815
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		201 846 470 036	295 472 615 877
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	195 616 004 216	289 020 312 124
- Nguyên giá	222		1 571 050 823 983	1 544 108 169 476
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-1 375 434 819 767	-1 255 087 857 352
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6 230 465 820	6 452 303 753

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm 31/12/2018	Số đầu năm (1/1/2018)
- Nguyên giá	228		7 478 747 586	7 478 747 586
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		- 1 248 281 766	- 1 026 443 833
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	50 008 162 534	52 508 570 662
- Nguyên giá	231		61 738 874 427	61 738 874 427
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		- 11 730 711 893	- 9 230 303 765
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		22 102 552 352	20 374 666 057
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22 102 552 352	20 374 666 057
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	381 014 376 902	374 527 035 674
1. Đầu tư vào công ty con	251		498 039 428 990	498 039 428 990
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1 740 000 000	1 740 000 000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16 607 900 000	16 607 900 000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		- 135 372 952 088	- 141 860 293 316
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		348 926 380 314	391 062 658 563
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	339 273 838 411	391 062 658 563
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	9 652 541 903	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1 752 826 519 564	1 783 811 173 566

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ 31/12/2018	Số đầu năm (1/1/2018)
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		500 460 363 066	688 493 201 161
I. Nợ ngắn hạn	310		351 915 559 183	504 509 259 076
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	114 553 909 863	168 831 229 860
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		143 482 338	606 691 096
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		82 020 576 329	63 411 261 421
4. Phải trả người lao động	314	V.16	121 121 721 434	50 412 998 424
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2 235 996 091	1 498 070 581
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.17		14 186 081 480
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		128 409 090	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	9 833 156 170	22 275 542 522
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		13 514 522 059	176 303 673 650
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6 418 394 611	4 008 004 926
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1 945 391 198	2 975 705 116
13. Quỹ bình ổn giá	323			

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ 31/12/2018	Số đầu năm (1/1/2018)
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Ch.phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		148 544 803 883	183 983 942 085
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.19		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	V.20		
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		12 147 604 978	16 823 847 916
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		120 705 619 344	167 002 281 370
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		15 533 766 762	
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		157 812 799	157 812 799
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1 252 366 156 498	1 095 317 972 405
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1 252 366 156 498	1 085 151 286 353
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1 050 000 000 000	1 050 000 000 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1 050 000 000 000	1 050 000 000 000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		202 366 156 498	35 151 286 353
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11 098 383 546	3 477 441 111
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		191 267 772 952	31 673 845 242
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			10 166 686 052
1. Nguồn kinh phí	431	V.23		74 890 700
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			10 091 795 352
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1 752 826 519 564	1 783 811 173 566

4. Tiền lương chi trả của Tổng giám đốc người quản lý khác:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền lương được hưởng năm 2018 (đồng)	Tiền lương bq tháng năm 2018 (đồng)
1	Trần Hải Bình	Tổng giám đốc	540 000 000	45 000 000
2	Vũ Đình Lên	Phó Tổng giám đốc	478 543 665	39 878 638
3	Ngô Ngọc Sơn	Phó Tổng giám đốc	486 000 000	40 500 000
4	Đặng Văn Tùng	Thành viên HĐQT chuyên trách	486 000 000	40 500 000
5	Vũ Minh Tân	Phó Tổng giám đốc	486 000 000	40 500 000
6	Lương Xuân Quang	Kế toán trưởng	450 000 000	37 500 000
7	Nguyễn Thị Lương Anh	Trưởng Ban KS	486 000 000	40 500 000
	Tổng cộng		3 412 543 665	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (eOffice);
- Tổng GD, các Phó TGD (eOffice);
- Các đơn vị, các phòng Tcty (eOffice);
- Lưu: VT, KTTKTC, Thư ký TCT. (T.03)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Quang Bình

Số 0088 /TTr – HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động (sửa đổi) của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP

Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP ngày 19/4/2018,

Hội đồng quản trị Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

1. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018:

TT	Chức danh	Số người	Mức trả 1 tháng theo NQ ĐHCĐ	Số tháng	Thành tiền (đồng)
I	Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch HĐQT	1	6 200 000	12	74 400 000
2	Thành viên HĐQT	3	5 400 000	12	194 400 000
II	Ban kiểm soát				
1	Thành viên BKS	2	5 000 000	12	120 000 000
	Tổng cộng				388 800 000

Ghi chú: Tổng công ty có 01 Thành viên HĐQT và Trưởng ban kiểm soát hoạt động chuyên trách.

2. Kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019:

TT	Chức danh	Số người	Mức trả 1 tháng theo NQ ĐHCĐ	Số tháng	Thành tiền (đồng)
I	Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch HĐQT	1	6 200 000	12	74 400 000
2	Thành viên HĐQT	3	5 400 000	12	194 400 000
II	Ban kiểm soát				
1	Thành viên BKS	2	5 000 000	12	120 000 000
	Tổng cộng				388 800 000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Hand

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (e);
- Tổng GD, các Phó TGD (e);
- Các phòng Tcty (e);
- Lưu: VT TCNS, Thư ký TCT.

[Handwritten signature]

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Quang Bình

Số: 0004/BC – BKS

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (sửa đổi) ban hành kèm theo Quyết định số 099/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty. Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo quyết toán tài chính năm 2018 của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP đã được Công ty kiểm toán PKF thực hiện kiểm toán.

Ban kiểm soát Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên, trong đó 01 thành viên chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm. Trong năm Ban kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cũng như định hướng hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua, bao gồm các nội dung chính như sau:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát theo định kỳ hàng tháng, quý. Ban kiểm soát đã tổ chức họp thường kỳ (5 phiên) với sự tham gia của tất cả các thành viên Ban kiểm soát, để tổ chức, triển khai công việc. Tại các phiên họp, Ban kiểm soát đã thảo luận về tình hình hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành của Tổng công ty; thông qua kết quả giám sát của thành viên và báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán PKF; xây dựng chương trình công tác cụ thể phân công cho các thành viên BKS; kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện công việc. Các ý kiến của Ban kiểm soát được chuyển đến HĐQT và Ban điều hành thông qua các báo cáo, ý kiến tại các phiên họp HĐQT và văn bản kiến nghị trực tiếp.

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành. Giám sát việc chấp hành Điều lệ, triển khai thực hiện các nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời theo dõi thường xuyên việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do HĐQT, Ban điều hành giao cho các đơn vị trong Tổng công ty nhằm đạt mục tiêu do ĐHĐCĐ giao.

- Thông qua việc tham gia các cuộc họp thường xuyên, định kỳ của HĐQT đã giúp BKS nắm bắt thông tin, kịp thời đưa ra các đề xuất, kiến nghị với HĐQT trong việc quản lý, điều hành và thực hiện các quy chế quản lý nội bộ.

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra giám sát theo kế hoạch hoạt động của ban đã được xây dựng từ đầu năm đồng thời phối hợp với Ban lãnh đạo điều hành và một số phòng ban nghiệp vụ của Tổng công ty. Thực hiện kiểm tra giám sát một số chuyên đề về công tác khoán quản trị chi phí, công tác quản lý vật tư, kiểm tra việc quyết toán quỹ lương, công nợ phải thu của khách hàng. Kiểm soát việc quản lý và sử dụng vốn tại văn phòng Tổng công ty và chi nhánh của Tổng công ty. Kiểm tra giám sát việc chấp hành của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty về các vấn đề trên tại các công ty con của Tổng công ty.

Nhìn chung các đơn vị đều thực hiện theo các quy chế mà Tổng công ty ban hành. Tuy nhiên còn một số thiếu sót, bất cập trong quản lý ở một vài đơn vị mà Ban kiểm soát đã có ý kiến trong biên bản làm việc đồng thời có văn bản gửi HĐQT và Ban lãnh đạo điều hành. Tổng giám đốc Tổng công ty đã có các chỉ thị chấn chỉnh các đơn vị khắc phục các thiếu sót, bất cập mà BKS đã nêu; HĐQT đã có ý kiến chỉ đạo bộ máy điều hành tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy chế quản lý của Tổng công ty.

- Các công việc khác theo quy định của Điều lệ:

+ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các số liệu báo cáo tài chính trình ĐHCĐ thường niên theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Xem xét tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực: tài sản, vật tư, tiền vốn, tuyển dụng, sử dụng và chế độ của người lao động;

+ Ban kiểm soát đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông và người có liên quan của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc. Giám sát việc thực thi pháp luật, việc công bố thông tin.

- Xem xét thư quản lý của công ty kiểm toán PKF và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Tổng công ty.

+ Thực hiện thường xuyên trao đổi, giữa các thành viên Ban kiểm soát

+ Chủ động phối hợp với các phòng ban chuyên môn của Tổng công ty, các chi nhánh và người đại diện của của Tổng công ty tại các công ty con, trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty và các cổ đông.

2. Kết quả kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

2.1. Về hoạt động quản lý điều hành của HĐQT Tổng công ty.

Trong năm 2018 Hội đồng quản trị đã thể hiện rõ chức năng nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo quản lý tổng công ty trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT. HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, minh bạch thực hiện việc quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho tổng công ty và các cổ đông thể hiện qua các nội dung như sau:

- HĐQT đã tổ chức họp 30 phiên, ban hành các nghị quyết, quyết định với các nội dung tập trung cho hoàn thiện nâng cao các mặt hoạt động quản lý, phù

hợp với yêu cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

- Hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của Tổng công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch như : Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi; Ban hành thay thế Quy chế quản lý người đại diện Tổng công ty tại các doanh nghiệp ; ban hành hệ thống thang bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Tổng công ty,

- Tăng cường giám sát quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty thông qua người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp đó.

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ thông qua, bám sát chiến lược của Tổng công ty. Hội đồng quản trị luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, pháp luật Nhà nước và đưa ra các giải pháp hữu hiệu giúp Tổng công ty vượt qua những khó khăn để hoàn thành Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

2.2. Về công tác tổ chức thực hiện của Ban giám đốc Tổng công ty:

Ban Tổng giám đốc có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Tổng công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động;

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Tổng công ty và giữa Tổng công ty với các đơn vị thành viên.

- Kịp thời đề xuất với Hội đồng quản trị những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Tổng công ty.

- Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Tổng công ty thuộc thẩm quyền.

- Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện thoả ước lao động và hợp đồng lao động đã ký,

- Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, nâng lương, nâng bậc v,v... được thực hiện theo qui định của Pháp luật và Quy chế Tổng công ty.

- Trực tiếp chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty đề ra. kết quả hoạt động SXKD năm 2018 cụ thể như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHĐCĐ NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	Tỷ lệ (%)
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
	Than nguyên khai	Tấn	1 308 000	1 440 007	110,1
	Bóc đất đá	m ³	9 200 000	10 768 386	117

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHĐCĐ NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	Tỷ lệ (%)
	<i>Trong đó: Tự làm</i>	<i>m³</i>		10 752 644	
	Than sạch sản xuất	Tấn	1 430 000	1 698 621	108,8
	Than tiêu thụ	Tấn	1 430 000	1 714 945	120
2	Vốn điều lệ	Tr.đồng	1 050 000	1 050 000	100
3	Tổng doanh thu	"	1 597 206	2 323 118	145
4	Lợi nhuận trước thuế	"	80 809,9	237 433	294
5	Nộp thuế TNDN	"	14 479	55 818	235
6	Lợi nhuận sau thuế	"	63 330,9	191 267	302
7	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều	%	6	Dự kiến 12	200
8	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	190 090	118 430	62

* Ghi chú: Do lợi nhuận sau thuế năm 2018 vượt kế hoạch lợi nhuận theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 là 302% do đó Tổng công ty dự kiến chi trả cổ tức 12%.

Với tài liệu được cung cấp qua xem xét thẩm định và kết hợp với quá trình kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát Tổng công ty thống nhất đánh giá:

Năm 2018 thị trường tiêu thụ than và xi măng tương đối thuận lợi, Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo các Công ty con và đơn vị trực thuộc tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp trong tổ chức sản xuất kinh doanh, đoàn kết nhất trí khắc phục mọi khó khăn, tập trung đẩy mạnh nhịp độ sản xuất và tiêu thụ, thực hành tiết kiệm chi phí, đảm bảo ổn định sản xuất, việc làm, thu nhập cho người lao động, Tổng cộng ty hoàn thành vượt mức cở chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu, lợi nhuận so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 giao, tiếp tục tăng trưởng cao hơn cùng kỳ năm trước.

- HĐQT và Ban Điều hành đã nghiêm túc quán triệt, chấp hành, tuân thủ theo quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế của TKV và của Tổng công ty, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, vì lợi ích của các cổ đông.

- Thống nhất với các báo cáo của HĐQT, báo cáo của Ban Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông;

- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để trục lợi hoặc phục vụ lợi ích cá nhân, gia đình và người thân.

- Chỉ tiêu về đầu tư xây dựng không hoàn thành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 nguyên nhân do: Công tác đền bù GPMB tại các đơn vị sản xuất than gặp nhiều khó khăn từ các hộ dân, không đồng thuận với cơ chế, chính sách đền bù theo quy định; Dự án nâng công suất mỏ than Na Dương lên 1,2 triệu tấn/ năm phải giãn tiến độ để phù hợp với tiến độ đầu tư nhà máy nhiệt điện Na Dương II của Tổng công ty điện lực TKV; Một số dự án đưa vào kế hoạch nhưng không thực hiện đầu tư do không thu xếp được vốn như: Dự án đầu tư kho chứa nguyên liệu của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều; Một số dự án triển khai chậm không đảm bảo tiến độ như dự án đầu tư hệ thống cân cấp than của công ty cổ phần xi măng La Hiên (Năm 2018 mới thông qua được đề cương); các dự án quan trắc môi trường tự động của các đơn vị sản xuất xi măng, tiến độ triển khai còn chậm

- Công tác tái cơ cấu - thoái Vốn: Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về kế hoạch tái cơ cấu mô hình tổ chức quản lý công ty mẹ - Tổng công ty giai đoạn 2018- 2020. Mặc dù Tổng công ty cũng đã rất tích cực trong việc triển khai Đề án tái cơ cấu Tổng công, tuy nhiên việc thực hiện không đảm bảo tiến độ của Đề án cho đến thời điểm hiện tại Tổng công ty chưa thực hiện thoái vốn được ở đơn vị nào. Nguyên nhân là do còn một số vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tổng công ty đã làm văn bản hỏi ý kiến của Bộ Tài Chính và UB chứng khoán.

Trong năm 2018, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Ban kiểm soát cho rằng các hoạt động của Tổng công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

Năm 2018 Ban kiểm soát Tổng công ty không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào từ các cổ đông về tình hình hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Tổng công ty.

2.3. Thu nhập, thù lao, các khoản lợi ích và chi phí cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành:

HĐQT, Ban Điều hành, Ban kiểm soát được hưởng lương, thưởng và các quyền lợi khác theo cơ chế lương, thưởng, các chế độ phúc lợi khác theo quy định hiện hành của Tổng công ty và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua. Trong đó, tiền lương của các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, thành viên Ban kiểm soát chuyên trách nằm trong quỹ tiền lương người quản lý và được trả theo vị trí, chức danh công việc gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2018:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị:	6.200.000đ/người/tháng
+ Thành viên Hội đồng quản trị:	5.400.000 đ/người/tháng.
+ Thành viên Ban kiểm soát:	5.000.000 đ/người/ tháng.

3.Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành Tổng công ty đã duy trì được mối quan hệ trong công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Tổng công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2018, HĐQT cùng Ban lãnh đạo điều hành Tổng công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BCTC CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP NĂM 2018

Trên cơ sở thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty mẹ, Ban kiểm soát Tổng công ty thống nhất xác nhận số liệu Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF. Theo ý kiến đánh giá của Ban kiểm

soát Báo cáo tài chính năm 2018 của công ty mẹ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ vào ngày 31/12/2018, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Tổ chức bộ máy kế toán được thực hiện tập trung đảm bảo phù hợp với qui trình tổ chức sản xuất và quản lý của Tổng công ty.

1. Các số liệu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2018 như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
1. Tổng tài sản	1 752 826 519 564
2. Vốn chủ sở hữu	1 252 366 156 498
2.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1 050 000 000 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1 050 000 000 000
2.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	202 366 156 498
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	11 098 383 546
- LNST chưa phân phối kỳ này	191 267 772 952

2. Cơ cấu sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2018

Vốn điều lệ của Tổng công ty là 1.050.000.000.000 đồng được chia thành 105.000.000 cổ phần. Trong đó:

+ Tập đoàn CN Than Khoáng sản Việt Nam	1.031.041.000.000	98,19%
+ Các cổ đông khác	18.959.000.000	1,81%

3. Một số chỉ tiêu hệ số tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Tăng	giảm
				Giá trị	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3=2-1	4
1	Hệ số về khả năng thanh toán				
	- Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	2.591	3.502	0.91	135.18
	- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1.206	1.923	0.72	159.51
	- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.973	1.654	0.68	170.07
2	Hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn				
	- Hệ số nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0.386	0.286	-0.10	73.97
	- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0.634	0.400	-0.23	62.98
3	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản				
	- Hệ số đầu tư ngắn hạn (%)	34.10	38.609	4.51	113.23
	- Hệ số đầu tư dài hạn (%)	66.55	61.391	-5.15	92.25
4	Hệ số về hiệu quả sử dụng vốn				
	- Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (%)	3.744	18.959	15.22	506.42
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) (%)	2.919	15.273	12.35	523.24

TT	Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Tăng	giảm
				Giá trị	Tỷ lệ %
	- Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (%)	2.277	13.546	11.27	594.79
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) (%)	1.776	10.912	9.14	614.54
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu (%)	1.588	8.233	6.65	518.53

Qua các số liệu trên cho thấy năm 2018 nhìn chung các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Tổng công ty thể hiện sự ổn định và an toàn trong quản lý vốn và tài sản. Tổng công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn, hiệu quả sử dụng vốn năm 2018 cao hơn năm 2017. Tổng công ty có đủ khả năng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ của mình khi tới hạn.

Trên đây là kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của Ban kiểm soát Tổng công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông để xem xét thông qua./.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ CÁC ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Phương hướng hoạt động năm 2019 của Ban kiểm soát

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát và kế hoạch SXKD của Tổng công ty năm 2019. Ban kiểm soát đề ra hoạt động năm 2019 như sau:

1.1. Thực hiện kế hoạch hoạt động giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng tháng, quý đã được xây dựng từ đầu năm;

1.2. Giám sát việc chấp hành Điều lệ Tổng công ty, Pháp luật Nhà nước và việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;

1.3. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm của Tổng công ty; soát xét số liệu hàng tháng /quý đối với một số khoản mục có ảnh hưởng lớn tới kết quả tài chính như: các khoản đầu tư góp vốn, liên doanh, liên kết của Tổng công ty, các khoản đầu tư mua sắm tài sản và dự phòng rủi ro;

1.4 Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phân vốn của Tổng công ty đầu tư vào các công ty con và doanh nghiệp khác. Tham gia với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thảo luận nội dung chỉ tiêu, cụ thể hoá Nghị quyết ĐHĐCĐ để đề ra các Nghị quyết thường kỳ;

1.5. Thực hiện thiết lập các báo cáo giám sát tới các chi nhánh và công ty con nhằm cung cấp các thông tin quản lý kịp thời; tập trung nhận diện các đơn vị kinh doanh tiềm ẩn rủi ro, tăng cường biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

1.6 Phối hợp với các đoàn kiểm tra của Tổng công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị trong việc thực hiện Quy chế quản trị công ty mẹ - công ty con và các quy định khác của Tổng công ty;

1.7. Giám sát việc thực hiện lộ trình thoái vốn của Tổng công ty tại các Công ty con theo tờ trình của HĐQT

2. Các đề xuất kiến nghị:

Từ các nhận xét đánh giá trên, BKS kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tổng công ty:

2.1. Rà soát và điều chỉnh lại hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật cho phù hợp với tình hình thực tế để làm cơ sở quản trị chi phí và điều hành sản xuất. Quản lý chi phí SXKD theo kế hoạch đề ra.

2.3. Tăng cường công tác kiểm tra và giám sát phần vốn của Tổng công ty tại các công ty cổ phần và công ty liên doanh liên kết. Thông qua người đại diện phần vốn và người đại diện của Tổng công ty tại các công ty con để kiểm tra giám sát quản lý rủi ro và cảnh báo sớm công tác quản lý vốn, tài sản và công tác thu hồi công nợ bán hàng.

2.4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trước, trong và sau của các phòng ban chuyên môn tại cơ quan Tổng công ty đối với hoạt động SXKD của Công ty mẹ, các Công ty con, công ty liên kết (Thông qua người đại diện); đặc biệt là việc kiểm tra giám sát của phòng kiểm soát nội bộ nhằm giúp Hội đồng quản trị Tổng công ty nắm bắt, phòng ngừa, ngăn chặn, chấn chỉnh và chỉ đạo kịp thời các sai phạm.

2.5. Thực hiện việc cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, hồ sơ tài liệu theo yêu cầu BKS. Tạo điều kiện để BKS được tham gia các cuộc họp theo chuyên đề do thành viên HĐQT hoặc Ban Tổng giám đốc chủ trì.

2.6. Thường xuyên rà soát tiến độ đầu tư các dự án, chủ động điều chỉnh tiến độ dự án cho phù hợp với nhu cầu và điều kiện tài chính của Tổng công ty. Tập trung triển khai quyết liệt công tác đền bù giải phóng mặt bằng để có diện sản xuất và đổ thải cho năm 2019 và các năm tiếp theo.

2.7. Đẩy mạnh công tác đào tạo và đào tạo lại đối với nguồn nhân lực; xây dựng chính sách cán bộ và sớm có kế hoạch về tái sắp xếp, bố trí lại lao động trong nội bộ Tổng công ty.

2.8. Thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Tổng công ty./.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động trong năm 2018 và phương hướng hoạt động trong năm 2019 của Ban kiểm soát. Rất mong được sự tham gia góp ý của quý vị cổ đông để hoạt động của Ban kiểm soát ngày càng tốt hơn.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (eOffice);
- Tổng GD, các Phó TGD (eOffice);
- Các đơn vị, các phòng Tcty (eOffice);
- Lưu: VT, Thư ký TCT, BKS (LA.03)



**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Lương Anh

Số: 0089/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc niêm yết cổ phiếu MVB trên thị trường chứng khoán

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động (sửa đổi) của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP (MVB) như sau:

Căn cứ các quy định tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012.

Hiện tại, cổ phiếu của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP (MVB) đã đáp ứng các điều kiện cần thiết theo quy định để niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), cụ thể như sau:

STT	Điều kiện niêm yết			Tổng công ty	Ghi chú
	Tiêu chí	HNX	HoSE		
1	Vốn điều lệ đã góp	Từ 30 tỷ đồng trở lên	Từ 120 tỷ đồng trở lên	1.050 tỷ đồng	Đáp ứng
2	Hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần tính đến thời điểm đăng ký niêm yết	Ít nhất 1 năm	Ít nhất 2 năm	Trên 3 năm	Đáp ứng
	- ROE năm gần nhất năm đăng ký niêm	tối thiểu 5%	tối thiểu 5%	Năm 2018: 15,27%	Đáp ứng

	yết				
	- Hoạt động kinh doanh của 2 năm liền trước năm đăng ký niêm yết		Có lãi	Năm 2017 lãi: 40,6 tỷ đồng Năm 2018 lãi: 237,4 tỷ đồng	Đáp ứng
	- Các khoản nợ phải trả quá hạn trên 1 năm	Không có	Không có	Không có	Đáp ứng
	- Lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký niêm yết	Không có	Không có	Không có	Đáp ứng
	- Các quy định của pháp luật về kế toán báo cáo tài chính	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Đáp ứng
	- Mọi khoản nợ đối với Tổng công ty của thành viên HĐQT, BKS, TGD, PTGD, KTT, cổ đông lớn và những người có liên quan		Công khai	Công khai	Đáp ứng
3	Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là TV HĐQT, BKS, TGD, PTGD, KTT; cổ đông lớn là người có liên quan với TV HĐQT, BKS, TGD, PTGD, KTT phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo			Khả năng đáp ứng cao do các cổ đông mong muốn thực hiện niêm yết cổ phiếu	
4	Có hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu hợp lệ theo quy định			Tổng công ty sẽ thực hiện đầy đủ theo quy định	

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua:

1. Việc niêm yết toàn bộ cổ phiếu MVB tại Sở giao dịch chứng khoán.
2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị Tổng công ty:

- Chủ động và quyết định lựa chọn Sở giao dịch chứng khoán (Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội hoặc Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh) để niêm yết tùy thuộc vào tình hình thực tế của Tổng công ty.

- Chủ động lựa chọn thời điểm thích hợp để niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty trong năm 2019 hoặc thời điểm khác phù hợp với tình hình thị trường và điều kiện thực tế.

- Phê duyệt nội dung tài liệu hồ sơ niêm yết, thực hiện mọi thủ tục, công việc cần thiết để hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu MVB.

- Quyết định mọi vấn đề liên quan, phát sinh khác trong quá trình niêm yết cổ phiếu MVB, bao gồm cả việc quyết định và xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông (nếu có) trong quá trình thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Handwritten signature

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (e);
- Tổng GD, các Phó TGD (e);
- Các phòng Tety (e);
- Lưu: VT, TCNS, Thư ký TCT.

Handwritten signature

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Quang Bình

Số 0005 /TTr – BKS

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC Công ty mẹ và BCTC hợp nhất Tổng công ty năm 2019

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP (sửa đổi) ban hành theo quyết định số 099/QĐ – HĐQT ngày 18/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty,

Ban kiểm soát Tổng công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2019 của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất Tổng công ty như sau:

1. Đề xuất công ty kiểm toán:

Việc thực hiện kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty năm 2019 là gói thầu cung cấp dịch vụ kiểm toán có giá trị dưới 500 triệu đồng (căn cứ vào giá kiểm toán thực hiện năm 2017). Do đó, Ban Kiểm soát xin đề xuất chỉ định Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty năm 2019.

Lý do lựa chọn:

- Công ty TNHH PKF Việt Nam có tên trong danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2019 theo Quyết định số 1035/QĐ- UBCK ngày 20/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước;

- PKF Việt Nam là thành viên chính thức của Tập đoàn kiểm toán PKF Quốc tế, một trong 12 mạng lưới các công ty kiểm toán và tư vấn chuyên ngành lớn nhất trên toàn cầu, tại Việt Nam;

- Là đơn vị có kinh nghiệm kiểm toán các đơn vị trong Tổng công ty và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Quá trình kiểm toán đảm bảo chất lượng, khách quan và trung thực được thể hiện thông qua các đợt thanh tra, kiểm tra và kiểm toán của các cơ quan Nhà nước và Tập đoàn.

2. Giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện lựa chọn công ty kiểm toán theo hình thức chỉ định thầu đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (eOffice);
- Tổng GD, các Phó TGĐ (eOffice);
- Các đơn vị, các phòng Tcty (eOffice);
- Lưu: VT, TCNS, Thư ký TCT. (LA.03)

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Lương Anh